

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRƯỚC YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

*PGS.TS. NGUYỄN VĂN ĐỘNG **

1. Quan hệ giữa sự phát triển bền vững với hoạt động xây dựng pháp luật

Trên thế giới, khái niệm "phát triển bền vững" được hiểu là sự phát triển vừa đáp ứng được những nhu cầu của hiện tại, vừa không cản trở việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.⁽¹⁾ Vận dụng vào Việt Nam, khái niệm "phát triển bền vững" được nhận thức là sự phát triển, trong đó kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế (mà chủ yếu là tăng trưởng kinh tế) với phát triển xã hội (trong đó cơ bản là bảo đảm tiến bộ xã hội, công bằng xã hội, xoá đói nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động) và bảo vệ môi trường (mà nhiệm vụ chính là xử lí, khắc phục ô nhiễm; phục hồi và không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lí và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).⁽²⁾ Phát triển bền vững đã trở thành đòi hỏi khách quan, xu thế tất yếu của sự phát triển của nước ta và của tất cả các quốc gia trên thế giới trong thời đại hiện nay. Nhằm bảo đảm cho xã hội phát triển bền vững thì Nhà nước và xã hội sử dụng đồng bộ và đồng thời các loại quy phạm xã hội để điều chỉnh, trong đó pháp luật là chủ yếu và quan trọng nhất, do pháp luật có những ưu thế riêng mà các loại quy phạm xã hội khác không có (chỉ do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, chứa

đựng và thể hiện ý chí chung của xã hội, có tính bắt buộc chung đối với xã hội hay đối với phần lớn các thành viên xã hội, được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế...). Pháp luật chỉ có thể được tạo ra thông qua hoạt động xây dựng pháp luật của Nhà nước với sự trợ giúp của xã hội.

Xây dựng pháp luật là lĩnh vực hoạt động của Nhà nước với sự giúp sức của xã hội nhằm tạo ra hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống pháp luật, xét từ cấu trúc bên trong của nó là tổng thể các quy phạm pháp luật được chia thành các ngành luật mà mỗi ngành luật được tạo nên bởi các chế định luật, mỗi chế định luật được hình thành từ các quy phạm pháp luật, mỗi quy phạm pháp luật là một quy tắc do Nhà nước đặt ra (hoặc thừa nhận) và bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản. Xét từ góc độ những biểu hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật thì hệ thống pháp luật là toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cá nhân có thẩm quyền ở trung ương và địa phương ban hành theo trình tự, thủ tục được quy định trong Luật

* Giảng viên chính Khoa hành chính-nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân năm 2004. Như vậy, nếu nói về hoạt động xây dựng pháp luật thì về thực chất là đề cập việc xây dựng và ban hành các loại văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cá nhân có thẩm quyền ở trung ương và địa phương.

Giữa sự phát triển bền vững của xã hội với hoạt động xây dựng pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau; chúng vừa là điều kiện, tiền đề cho nhau, vừa là hệ quả của nhau, cùng song song tồn tại và phát triển trong sự phát triển chung của đất nước. Sự phát triển bền vững của xã hội là cơ sở thực tiễn vững chắc để Nhà nước tiếp tục xây dựng và thực hiện thành công các chiến lược, kế hoạch, chương trình xây dựng pháp luật phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế; là nguồn cung cấp các phương tiện vật chất-kỹ thuật cần thiết cho hoạt động xây dựng pháp luật, bảo đảm cho hoạt động xây dựng pháp luật ngày càng đạt chất lượng và hiệu quả cao; là bảo đảm vật chất và tinh thần chắc chắn cho xã hội luôn luôn ổn định, phát triển hài hoà, tiến bộ, góp phần quan trọng vào việc củng cố, phát triển lòng tin của nhân dân vào chế độ chính trị-xã hội, khuyến khích họ tham gia ngày càng tích cực và đông đảo hơn vào hoạt động xây dựng pháp luật của Nhà nước. Hoạt động xây dựng pháp luật để tạo ra hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, đạt được bốn tiêu chuẩn: toàn diện, đồng bộ, khoa học, thực tiễn, có khả năng điều chỉnh

hiệu quả các mối quan hệ xã hội cơ bản theo hướng phát triển nhanh, liên tục, ổn định, vững chắc, đem lại ngày càng nhiều lợi ích vật chất, tinh thần cho xã hội và các thành viên xã hội. Nhờ có sự tác động của hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện thông qua hoạt động xây dựng pháp luật ngày càng có chất lượng và hiệu quả cao mà sự phát triển bền vững của xã hội mới được bảo đảm thực hiện một cách liên tục, thống nhất trên phạm vi toàn xã hội và trong từng lĩnh vực quan hệ xã hội, tạo tiền đề vật chất, tinh thần để Việt Nam hội nhập thành công với thế giới. Cho đến nay, hầu hết các lĩnh vực xã hội quan trọng như kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường, văn hoá, giáo dục, khoa học-công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại đều được điều chỉnh bằng pháp luật. Nhờ có pháp luật điều chỉnh mà sự phát triển kinh tế đã bước đầu kết hợp được chặt chẽ, hợp lí, hài hoà với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; sự phát triển xã hội cũng đã phần nào kết hợp được sự phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; việc bảo vệ môi trường cũng đã gắn với tăng trưởng kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội, công bằng xã hội.

Từ sự phân tích ở trên cho thấy bằng mọi cách vừa phải thường xuyên duy trì và phát huy sự phát triển bền vững của xã hội, nhất là trong bối cảnh suy thoái kinh tế và sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế hiện nay, vừa không ngừng đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động xây dựng pháp luật trước những yêu cầu, đòi hỏi mới của sự phát triển bền vững xã hội và của chính bản thân hệ thống pháp luật trong bối cảnh hiện nay ở nước ta và trên thế giới.

2. Một số nhược điểm trong nội dung của pháp luật và hoạt động xây dựng pháp luật trước yêu cầu phát triển bền vững của xã hội

Nhìn chung, nội dung của pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học-công nghệ, môi trường, an ninh-quốc phòng, đối ngoại còn chưa chứa đựng đầy đủ các yếu tố "phát triển bền vững". Chẳng hạn pháp luật kinh tế hiện nay mới chủ yếu quy định những vấn đề liên quan đến việc bảo đảm ổn định và phát triển nền kinh tế trong thời gian trước mắt chứ chưa định hướng phát triển kinh tế-xã hội lâu dài nhằm đáp ứng nhu cầu của tương lai; còn thiên về tăng trưởng kinh tế mà chưa quy định đầy đủ các vấn đề về bảo đảm tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, về khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, về kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và quốc phòng. Pháp luật về xã hội hiện nay vừa chưa quan tâm đúng mức tới việc giải quyết các vấn đề làm ổn định xã hội, vừa chưa thật sự chú trọng tới các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện, nâng cao chất lượng và bảo vệ môi trường. Pháp luật về môi trường cũng chưa kết hợp được một cách chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng và bảo vệ môi trường với việc phát triển kinh tế, xã hội; vừa chưa có quy định về giải quyết các sự cố môi trường, phục hồi suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường, vừa thiếu những quy định định hướng phát triển lâu dài nhằm đáp ứng nhu cầu tương lai của xã hội.

Sở dĩ nội dung của pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước nói chung, pháp luật về kinh tế, xã hội, môi trường nói riêng còn chưa đảm bảo được yêu cầu phát triển bền vững, chủ yếu là do một số hạn chế trong hoạt động xây dựng pháp luật. Những hạn chế trong hoạt động xây dựng pháp luật được thể hiện ở những điểm sau đây:

- Trong các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền sáng kiến pháp luật và xây dựng pháp luật còn chưa có sự nhận thức đầy đủ, thống nhất, đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của sự phát triển bền vững đối với đất nước trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế; về vị trí, vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước cũng như sự cần thiết phải lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" trong quá trình xây dựng pháp luật nhằm tạo ra được hệ thống pháp luật ngày càng toàn diện, đồng bộ, khoa học, thực tiễn để quản lý đất nước theo hướng phát triển bền vững.

- Công tác tổ chức cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xây dựng pháp luật trong đó có sự lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" (mà về thực chất là quy trình luật định về xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật) về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học-công nghệ, môi trường, an ninh, quốc phòng, đối ngoại chưa được thường xuyên và chưa thật sự khoa học, chặt chẽ.

- Trình độ kỹ thuật lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" vào quy trình luật định về xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật còn thấp kém và chậm được đổi mới, cải tiến. Việc tham khảo, học hỏi,

tiếp thu có chọn lọc và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm tốt của nước ngoài về bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật chưa được quan tâm thường xuyên.

- Trình độ, năng lực chuyên môn luật, nhất là trình độ kỹ thuật xây dựng pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền sáng kiến pháp luật và có thẩm quyền xây dựng pháp luật, xét từ góc độ bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật còn hạn chế.

- Cơ sở pháp luật về đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật chưa được hoàn thiện. Cho đến nay, pháp luật chưa quy định rõ ràng, đầy đủ, cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xây dựng pháp luật trong việc đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; về trình tự của việc lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" vào quy trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở trung ương (nhất là đối với các văn bản luật của Quốc hội và nghị định của Chính phủ) và địa phương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của từng lĩnh vực quản lý nhà nước chưa được thường xuyên.

- Công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm đối với việc lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" vào quy trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước

chưa được kịp thời và thường xuyên, thậm chí không bao giờ diễn ra.

3. Phương hướng đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật

Một là cán bộ và nhân dân, đặc biệt là cán bộ trong các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xây dựng pháp luật cần quán triệt sâu sắc quan niệm chung của thế giới về phát triển bền vững và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về phát triển bền vững và về vị trí, vai trò của pháp luật đối với phát triển bền vững ở Việt Nam, từ đó thấy được sự cần thiết phải lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" vào quá trình xây dựng pháp luật. Mọi quan niệm nông cạn, thiên lệch hay cực đoan về phát triển bền vững của một lĩnh vực xã hội nào đó hay về cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường đều không phù hợp với quan niệm chung của thế giới và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về phát triển bền vững. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, vừa cần vận dụng trực tiếp một cách sáng tạo, linh hoạt đường lối, chính sách của Đảng về phát triển bền vững, vừa phải sử dụng pháp luật để điều tiết các mối quan hệ cơ bản liên quan đến kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học-công nghệ, môi trường, an ninh-quốc phòng, đối ngoại nhằm bảo đảm cho các lĩnh vực xã hội đó phát triển một cách ổn định và bền vững.

Hai là cần phân tích, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện, khách quan hiện trạng mức độ phát triển bền vững trong tất cả các lĩnh vực quan hệ xã hội cần tới sự điều chỉnh của pháp luật nhằm xác lập căn cứ để tiếp tục xác định mới các yếu tố "phát triển

bền vững" cần đưa vào nội dung pháp luật trong thời gian tới. Việc phân tích, đánh giá này cần được thực hiện dựa trên những yêu cầu, đòi hỏi về phát triển bền vững của đất nước nói chung, của bản thân lĩnh vực quan hệ xã hội đó mà Đảng, Nhà nước đã đặt ra. Phải sử dụng đồng bộ các phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, đối chiếu, thống kê, xã hội học... để phân tích, đánh giá sao cho kết quả đạt được phải bao gồm những thông tin chính xác, tin cậy về ưu điểm, nhược điểm, nguyên nhân của ưu, nhược điểm và bài học kinh nghiệm.

Bu là phải xác định rõ, cụ thể các yếu tố "phát triển bền vững" của lĩnh vực quan hệ xã hội cần đến sự điều chỉnh của pháp luật sẽ được chứa đựng trong nội dung của pháp luật sắp tới về từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học-công nghệ, môi trường, an ninh-quốc phòng, đối ngoại phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế-xã hội, củng cố an ninh-quốc phòng, mở rộng quan hệ và hợp tác quốc tế trong bối cảnh hiện nay. Các yếu tố "phát triển bền vững" cần được "pháp luật hoá" ở đây sẽ bao gồm những yếu tố cũ không cần bổ sung hoặc phải bổ sung và các yếu tố hoàn toàn mới. Việc xác định này phải hết sức cẩn trọng và cần dựa trên những căn cứ lí luận và thực tiễn chắc chắn, bao gồm: quan niệm được thừa nhận chung trên thế giới về phát triển bền vững; quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về phát triển bền vững đối với đất nước nói chung, lĩnh vực quan hệ xã hội cần tới sự điều chỉnh của pháp luật được đề cập nói riêng; kết quả phân tích, đánh giá hiện

trạng mức độ phát triển bền vững của lĩnh vực quan hệ xã hội cần tới sự điều chỉnh của pháp luật; sự vận động, biến đổi, phát triển hiện thời và dự báo xu hướng vận động, biến đổi, phát triển trong tương lai của lĩnh vực quan hệ xã hội cần đến sự điều chỉnh của pháp luật; những yêu cầu, đòi hỏi mới đang đặt ra trước lĩnh vực quan hệ xã hội đó nhằm góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững nói chung của cả đất nước.

Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế, có các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững của nền kinh tế cần được "pháp luật hoá" như tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định trên cơ sở nâng cao không ngừng tính hiệu quả, hàm lượng khoa học-công nghệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, cải thiện môi trường; kết hợp chặt chẽ, hợp lí, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với việc xoá đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao trình độ dân trí, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người được thụ hưởng những lợi ích vật chất và tinh thần trong xã hội, bảo đảm sự bình đẳng giới, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giảm mức tăng dân số và nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần, cải thiện môi trường sống; thay đổi mô hình và công nghệ sản xuất, mô hình tiêu dùng theo hướng sạch hơn và thân thiện với môi trường, dựa trên cơ sở sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên không tái tạo lại được, giảm tối đa chất thải độc hại và khó phân huỷ, duy trì lối sống của cá nhân và xã hội hài hoà, gần gũi với thiên nhiên; tích cực tham gia vào quá trình "công nghiệp hoá

sạch" bằng cách quy định và bảo đảm thực hiện các quy định về quy hoạch sự phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường; ngăn ngừa và xử lí ô nhiễm công nghiệp, xây dựng nền "công nghiệp xanh"; phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, trong đó đặc biệt coi trọng vấn đề bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo tồn và phát triển các nguồn tài nguyên như đất, nước, không khí, rừng và đa dạng sinh học, bảo đảm phát triển bền vững vùng và xây dựng các cộng đồng địa phương phát triển bền vững; kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Trong lĩnh vực xã hội có các yếu tố "phát triển bền vững" quan trọng cần đưa vào nội dung pháp luật về xã hội như xoá đói, giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động; tạo lập cơ hội bình đẳng để mọi người đều được tham gia vào các hoạt động xã hội, văn hoá, chính trị, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số, giảm bớt sức ép của sự gia tăng dân số đối với các lĩnh vực tạo việc làm, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái; định hướng quá trình đô thị hoá và di dân nhằm phát triển bền vững các đô thị; phân bố hợp lí dân cư và lực lượng lao động theo vùng, bảo đảm sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường bền vững ở các địa phương; nâng cao chất lượng giáo dục để nâng cao dân trí, trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước; phát triển số lượng và nâng cao chất

lượng các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; cải thiện các điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống.

Các yếu tố bảo đảm sự phát triển bền vững trong lĩnh vực môi trường cần có trong nội dung pháp luật về môi trường như chống thoái hoá, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; khai thác hợp lí và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; bảo vệ và phát triển rừng, giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp; quản lí có hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển; bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; giảm nhẹ biến đổi khí hậu và hạn chế những ảnh hưởng có hại của biến đổi khí hậu góp phần phòng, chống thiên tai.

Bốn là cần lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" trong nội dung của pháp luật về từng lĩnh vực quan hệ xã hội cụ thể cần tới sự điều chỉnh của pháp luật vào các giai đoạn (công đoạn, bước) của quy trình luật định về xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cá nhân có thẩm quyền từ trung ương xuống địa phương. Ví dụ, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, quy trình xây dựng và ban hành các luật của Quốc hội về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học-công nghệ, môi trường, an ninh-quốc phòng, đối ngoại gồm các giai đoạn: đề nghị, kiến nghị xây dựng luật; soạn thảo dự thảo luật; thẩm tra dự thảo luật; Uỷ ban thường vụ Quốc hội xem xét,

cho ý kiến về dự thảo luật và việc tiếp thu, chỉnh lí dự thảo luật theo ý kiến của ủy ban thường vụ Quốc hội; thảo luận và thông qua dự thảo luật tại Quốc hội; công bố luật. Việc lồng ghép này phải phù hợp với mục đích, yêu cầu của từng giai đoạn và nhiệm vụ, chức năng cụ thể của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xây dựng pháp luật trong giai đoạn đó mà pháp luật đã quy định. Chẳng hạn, ở giai đoạn đề nghị, kiến nghị xây dựng luật thì các yếu tố "phát triển bền vững" cần lồng ghép là những tư tưởng pháp luật của chủ thể đề nghị, kiến nghị nhưng sang giai đoạn soạn thảo dự thảo luật thì các yếu tố "phát triển bền vững" cần lồng ghép đã được chuyển hoá từ tư tưởng pháp luật thành những quy phạm pháp luật cụ thể và nhà làm luật phải bằng mọi cách "truyền tải" cho được và cho hết những ý tưởng đúng đắn, hợp lí của chủ thể đề nghị, kiến nghị vào nội dung từng quy phạm pháp luật dưới những hình thức ngôn ngữ pháp lí nhất định.

Năm là thường xuyên đổi mới, cải tiến phương pháp lồng ghép các yếu tố "phát triển bền vững" cần chứa đựng trong nội dung của pháp luật vào quy trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là sử dụng các phương pháp tiên tiến của công nghệ thông tin hiện đại. Việc đổi mới, cải tiến phương pháp lồng ghép đó phải xuất phát từ mục đích, yêu cầu của mỗi giai đoạn và nhiệm vụ, chức năng cụ thể của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xây dựng pháp luật trong giai đoạn đó mà pháp luật đã quy định đồng thời phải đạt được mục tiêu của đổi mới, cải tiến là đơn giản, tiện lợi, tiết kiệm và hiệu quả.

Sáu là nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ pháp luật nói chung, đặc biệt là cán bộ pháp luật công tác trong các cơ quan pháp chế của các bộ, ban, ngành ở trung ương và các địa phương; thường xuyên bồi dưỡng cho họ kiến thức pháp luật mới cũng

(Xem tiếp trang 63)

(1).Xem: Vũ Cương, Nguyễn Khánh Cẩm Châu, Hoàng Thanh Dương, Hoàng Thúy Nguyệt (dịch), *Phát triển bền vững trong thế giới năng động. Thay đổi thể chế, tăng trưởng và chất lượng cuộc sống*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003; P. Mick Kelly, Nguyen Huu Ninh Neil Adger, *Living with Environmental Change: Social Vulnerability And Resilience In Vietnam* Publishing house Taylor & Francis, ISBN: 978041527224; Marie-Claire Cordonie Segger, Ashfaq Khalfan, *Pháp luật về phát triển bền vững: nguyên tắc, thực tiễn và triển vọng*, Nxb. Đại học Oxford tại New York, 2004; Nico Schrijver, Friedl Weiss, *Pháp luật quốc tế về phát triển bền vững: nguyên tắc và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Martinus Nijhoff, 2004; Duncan French, *Pháp luật quốc tế và chính sách phát triển bền vững*, Nxb. Manchester, 2005; ...

(2).Xem: Trung tâm tài nguyên và môi trường, Đại học tổng hợp Hà Nội, *Tiến tới môi trường bền vững*, 1995; Phạm Xuân Nam (chủ biên), *Đổi mới chính sách xã hội*, Hà Nội, 1997; PGS.TS. Nguyễn Đắc Hy, *Phát triển bền vững trong tầm nhìn của thời đại*, Viện sinh thái và môi trường, 2003; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 về việc ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam); Nguyễn Thị Hiền, Lê Ngọc Hùng, *Nâng cao năng lực phát triển bền vững: Bình đẳng giới và giảm nghèo*, Nxb. Lí luận chính trị, Hà Nội, 2004; PGS.TS. Nguyễn Bá Diên (chủ biên), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006; GS.TSKH. Nguyễn Quang Thái, PGS.TS. Ngô Thắng Lợi, *Phát triển bền vững ở Việt Nam: thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội, 2007; ...